

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18 /2024/DS-ST

Ngày: 14/ 5/ 2024

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Tiến

Bà Phan Thị Lan Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Việt Hà – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2023/TLST - DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V). Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng H, phường Láng H, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ KHDN và xử lý nợ pháp lý (*Theo Văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023 của V*).

Người được ủy quyền lại (*Theo Văn bản ủy quyền số 325/2023/UQ-LCC-KHDN MB01 ngày 24/10/2023 của V*) là các ông: Ông Nguyễn Văn T– Chức vụ: Giám đốc V chi nhánh Quảng Bình; Ông Trần Tiến L – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ V chi nhánh Quảng Bình; Ông Đào Tùng L - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ V chi nhánh Quảng Bình;

Địa chỉ liên hệ: Số 108 đường Trần Hưng Đ, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Ông Đào Tùng L có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1981 và bà Phạm Thị Q, sinh năm 1983; Cùng nơi đăng ký HKTT tại: Thôn 4 Lộc Đ, xã Lộc N, thành phố Đồng H,

tỉnh Quảng Bình. Ông Nguyễn Văn Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, bà Phạm Thị Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng trình bày:

- Theo Hợp đồng cho vay số LN2203155373215 ngày 05/4/2022 ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q vay tại V – Chi nhánh Quảng Bình với các nội dung cụ thể như sau:
 - Hạn mức cho vay: 260,000,000 đồng (bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu đồng).
 - Thời hạn duy trì hạn mức: 48 tháng.
 - Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn mở rộng kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng.
 - Các kỳ hạn trả nợ: Bên vay phải trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 10 của tháng, lãi trả hàng tháng vào ngày 10.
 - Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng với khoản vay có tài sản đảm bảo cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 48 tháng có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm.
 - Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.
 - Thực hiện Hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Q/bà Q toàn bộ số tiền 260,000,000 đồng theo Đề nghị giải ngân ngày 06/4/2022.
- Theo Hợp đồng cho vay số LN2112294994909 ngày 24/01/2022 ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q vay tại V – Chi nhánh Quảng Bình với các nội dung cụ thể như sau:
 - Số tiền cho vay: 786,000,000 đồng (bằng chữ: Bảy trăm tám mươi sáu triệu đồng).
 - Thời hạn vay: 72 tháng.
 - Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu Ford Ranger.
 - Các kỳ hạn trả nợ: Lãi trả hàng tháng vào ngày 05 của tháng, gốc trả cuối kỳ khi đến hạn.
 - Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng với khoản vay có tài sản đảm bảo cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 48 tháng có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,6%/năm.
 - Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.
 - Thực hiện Hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Q/bà Q toàn bộ số tiền 786,000,000 đồng theo Đề nghị giải ngân ngày 25/01/2022.

- Theo Hợp đồng cho vay số LN2201045016199 ngày 07/01/2022 ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q vay tại V – Chi nhánh Quảng Bình với các nội dung cụ thể như sau:
 - Hạn mức cho vay: 1,976,000,000 đồng (bằng chữ: Một tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu đồng) với các lần nhận nợ như sau:
 - + Khế ước nhận nợ ngày: 12/01/2022, Số tiền cho vay: 1,700,000,000 đồng (bằng chữ: Một tỷ bảy trăm triệu đồng).
 - + Khế ước nhận nợ ngày: 08/02/2022 với số tiền: 276,000,000 đồng (bằng chữ: Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng).
 - Thời hạn duy trì hạn mức: 24 tháng.
 - Thời hạn vay tối đa mỗi lần nhận nợ: Không quá 12 tháng và được quy định trong khế ước nhận nợ.
 - Mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng.
 - Các kỳ hạn trả nợ: Gốc trả cuối kỳ khi đến hạn, lãi trả hàng tháng vào ngày 10 của tháng.
 - Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 8%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó sẽ được điều chỉnh 01 tháng/lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng với khoản vay có tài sản đảm bảo cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm.
 - Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.
- Theo Hợp đồng cho vay số LN2207146230040 ngày 20/7/2022 ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q vay tại V – Chi nhánh Quảng Bình với các nội dung cụ thể như sau:
 - Số tiền cho vay: 1,700,000,000 đồng (bằng chữ: Một tỷ bảy trăm triệu đồng).
 - Thời hạn vay: 72 tháng.
 - Mục đích sử dụng vốn: Vay mua bất động sản.
 - Các kỳ hạn trả nợ: Gốc và lãi trả hàng tháng vào ngày 05 của tháng.
 - Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng với khoản vay có tài sản đảm bảo cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 48 tháng có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,6%/năm.
 - Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.
 - Thực hiện Hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Q/bà Q toàn bộ số tiền 1,700,000,000 đồng theo Đề nghị giải ngân ngày 25/01/2022.
- Theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 31/12/2021 ông Nguyễn Văn Q được V Quảng Bình – PGD Đồng Hới:

- Số tiền cho vay: 98,000,000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng chẵn)
- Thời hạn vay: 72 tháng.
- Mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng
- Lãi suất cho vay: theo quy định V
- Theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 11/03/2022 ông Nguyễn Văn Q được V Quảng Bình – PGD Đồng Hới:
- Số tiền cho vay: 280,000,000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng chẵn)
- Thời hạn vay: 60 tháng.
- Mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng
- Lãi suất cho vay: theo quy định V
- Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là:
- Tài sản 01: Xe ô tô hiệu Mazda, số loại BT50, biển kiểm soát 73C-049.05; số khung: 4DD5FW400390; số máy: P4AT2000370; đăng ký xe ô tô số 028198 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2203155373215 ký ngày 04/4/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh X, Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.
- Tài sản 02: Xe ô tô hiệu Ford, biển kiểm soát 73C-138.21; số khung: RL2UMFF60MER16173; số máy: YN2QPME16173 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2112294994909 ký ngày 24/01/2022 tại V Đồng Hới, Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.
- Tài sản 03: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 742, tờ bản đồ số 30 tại: Thôn 4 (nay là thôn 4 Lộc Đ), xã Lộc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q (có Giấy chứng nhận số CR447958 do sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/10/2019). Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2201045016199/NLY/HĐTC ký ngày 07/01/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh X, tỉnh Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.
- Tài sản 04: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 12 tại: phường Hải T, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q (có Giấy chứng nhận số BE 321309 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 08/4/2011, cập nhật thay đổi chủ sở hữu, sử dụng lần cuối ngày 04/8/2022). Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp ký ngày 08/8/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh X, tỉnh Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên nên khoản vay đã chuyển quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện, gửi

thông báo, cử cán bộ đến đôn đốc nhưng ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc quá hạn và lãi cho Ngân hàng. Vì vậy, không còn cách nào khác, Ngân hàng quyết định thu hồi trước hạn đối với toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên và khởi kiện ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q ra Tòa án để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay. Yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tạm tính đến ngày 26/10/2023, ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q còn nợ V tổng số tiền là 5.735.180.558 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, bảy trăm ba mươi lăm triệu, một trăm tám mươi nghìn, năm trăm năm mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 4.903.527.491 đồng, Nợ lãi là 831.653.067 đồng.

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và đề nghị nêu trên cho đến ngày ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q thực tế thanh toán hết nợ cho V.

- Yêu cầu Tòa án tuyên: Khi bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, V có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

Tài sản 01: Xe ô tô hiệu Mazda, số loại BT50, biển kiểm soát 73C-049.05; số khung: 4DD5FW400390; số máy: P4AT2000370; đăng ký xe ô tô số 028198 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2203155373215 ký ngày 04/4/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh X, Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Tài sản 02: Xe ô tô hiệu Ford, biển kiểm soát 73C-138.21; số khung: RL2UMFF60MER16173; số máy: YN2QPME16173 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2112294994909 ký ngày 24/01/2022 tại V Đồng Hới, Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Tài sản 03: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 742, tờ bản đồ số 30 tại: Thôn 4 (nay là thôn 4 Lộc Đ), xã Lộc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q theo Giấy chứng nhận số CR447958 do sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/10/2019. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2201045016199/NLY/HĐTC ký ngày 07/01/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh X, tỉnh Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Tài sản 04: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số

224, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại phường Hải T, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q.

* Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q trình bày tại bản tự khai và phiên hoà giải ngày 16/01/2024:

Chúng tôi không có yêu cầu phản tố. Bị đơn thừa nhận còn nợ Ngân hàng đúng như số tiền tại Thông báo thụ lý vụ án của Toà án đã nêu. Cụ thể: Bị đơn thừa nhận tính đến phiên hòa giải hôm nay (ngày 16/01/2024) tổng số tiền nợ gốc và lãi vay còn nợ và phải trả cho V với tổng số tiền: 4.718.571.283 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm mười tám triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 3.653.527.491 đồng, Nợ lãi là 1.064.944.792 đồng. Bị đơn thừa nhận đã thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay trên theo đúng như trình bày của Nguyên đơn tại đơn khởi kiện và Thông báo thụ lý vụ án.

Từ thời điểm Ngân hàng khởi kiện tại Toà án đến nay, chúng tôi đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 1,250,000,000 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng) và Ngân hàng đã giải chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 12 tại: phường Hải T, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

Lý do chúng tôi chưa trả được cho Ngân hàng theo thỏa thuận là: Do từ năm 2023 đến nay làm ăn khó khăn nên chúng tôi chưa thực hiện đúng thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký với Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chúng tôi phải thanh toán số tiền gốc và lãi thì chúng tôi thừa nhận tổng toàn bộ số tiền nợ như đại diện Ngân hàng vừa trình bày. Tuy nhiên chúng tôi xin Ngân hàng tạo điều kiện cho chúng tôi về phương án trả nợ và lộ trình trả nợ như sau: Chúng tôi mong muốn Ngân hàng xem xét chậm nhất đến ngày 31/01/2025 chúng tôi sẽ trả hết toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng. Trường hợp đến thời điểm ngày 31/01/2025 chúng tôi không trả được nợ thì chúng tôi đồng ý sẽ để ngân hàng xử lý phát mãi tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn trình bày:

Quá trình khởi kiện đến nay khách hàng đã trả được 1,250,000,000 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng) và Ngân hàng đã giải chấp tài sản là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 12 tại: phường Hải T, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q (có Giấy chứng nhận số BE 321309 do UBND thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 08/4/2011, cập nhật thay đổi chủ sở hữu, sử dụng lần cuối ngày 04/8/2022).*

Tạm tính đến ngày 14/05/2024, Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q còn nợ V theo Hợp đồng tín dụng trên với số tiền là: (Đvt: Đồng Việt Nam).

Stt	Số Hợp đồng	Dư nợ gốc	Nợ lãi	Tổng lãi
-----	-------------	-----------	--------	----------

			Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Phạt chậm trả lãi	
1	LN2203155373215	216,664,000	1,637,964	49,143,847	220,340	267,666,151
2	LN2112294994909	676,840,000	5,155,644	186,788,369	700,603	870,185,219
3	LN2201045016199 (KU1)	1,700,000,000	32,280,907	476,808,082	4,342,445	2,213,431,434
4	LN2201045016199 (KU2)	276,000,000	5,289,043	80,359,101	712,934	358,735,906
5	LN2207146230040	450,000,000	14,268,010	251,260,192	1,938,886	717,467,088
6	Khoản vay thẻ tín dụng	80,620,235	55,321,765			55,321,765
7	Khoản vay tín chấp	253,403,256	4,843,305	105,559,813	643,562	364,449,936
	Tổng nợ	3,653,527,491	63,474,873	1,205,241,169	8,558,770	4,930,802,303

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Tùng L đã thay đổi yêu cầu khởi kiện xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2023 đã được quý Tòa thụ lý giải quyết cụ thể là: Rút nội dung V có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với tài sản 04: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại phường Hải T, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Văn Q và Phạm Thị Q. Ngoại trừ nội dung trên, các nội dung yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện được giữ nguyên. Yêu cầu Toà án:

- Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 14/5/2024 với tổng số tiền là **4.930.802.303** đồng. Trong đó: Tổng số tiền nợ gốc: **3.653.527.491** đồng; nợ lãi: **1.277.274.812** đồng gồm lãi trong hạn: **63.474,873** đồng; lãi quá hạn: **1.205.241.169** đồng; lãi chậm trả: **8.558.770** đồng.

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và đề nghị nêu trên cho đến ngày ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q thực tế thanh toán hết nợ cho V.

- Yêu cầu Tòa án tuyên: Khi bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, V có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

Tài sản 01: Xe ô tô hiệu Mazda, số loại BT50, biển kiểm soát 73C-049.05; số khung: 4DD5FW400390; số máy: P4AT2000370; đăng ký xe ô tô số 028198 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2203155373215 ký ngày 04/4/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh X, Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Tài sản 02: Xe ô tô hiệu Ford, biển kiểm soát 73C-138.21; số khung: RL2UMFF60MER16173; số máy: YN2QPME16173 thuộc quyền sở hữu của ông

Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2112294994909 ký ngày 24/01/2022 tại V Đồng Hới, Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Tài sản 03: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 742, tờ bản đồ số 30 tại: Thôn 4 (nay là thôn 4 Lộc Đ), xã Lộc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q theo Giấy chứng nhận số CR447958 do sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/10/2019. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2201045016199/NLY/HĐTC ký ngày 07/01/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh X, tỉnh Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Bị đơn bà Q thừa nhận tính đến ngày 14/5/2024 ông Q và bà Q còn nợ V với tổng số tiền là **4.930.802.303** đồng. Trong đó: Tổng số tiền nợ gốc: **3.653.527.491** đồng; nợ lãi: **1.277.274.812** đồng gồm lãi trong hạn: **63.474,873** đồng; lãi quá hạn: **1.205.241.169** đồng; lãi chậm trả: **8.558.770** đồng. Bị đơn bà Quý cam kết trả nợ sớm nhất có thể cho nguyên đơn, trường hợp chúng tôi không thực hiện trả nợ đầy đủ thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ vay. Bị đơn bà Q có nguyện vọng được trả nợ gốc và lãi từng phần đối với từng Hợp đồng tín dụng. Mong ngân hàng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông bà sắp xếp trả nợ cho ngân hàng. Bị đơn bà Q cũng đồng ý việc Nguyên đơn rút nội dung V có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi V đối với tài sản 04: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại phường Hải T, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Văn Q bà Phạm Thị Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu ý kiến như sau: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng pháp luật. Riêng bị đơn ông Q chưa tuân thủ đúng pháp luật. Việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 463, 465, 466, 468, 470 BLDS năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V: Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị Q phải trả cho Ngân hàng V số tiền **4.930.802.303** đồng. Trong đó: Tổng số tiền nợ gốc: **3.653.527.491** đồng; nợ lãi: **1.277.274.812** đồng; lãi trong hạn: **63.474,873** đồng; lãi quá hạn: **1.205.241.169** đồng; lãi chậm trả: **8.558.770** đồng; lãi chậm trả với lãi suất 10% tính trên tiền lãi trong hạn.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc V có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với tài sản 04 là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 12 tại: phường Hải T, thành phố*

Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q (có Giấy chứng nhận số BE 321309 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 08/4/2011, cập nhật thay đổi chủ sở hữu, sử dụng lần cuối ngày 04/8/2022).

Nếu ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị Q không thanh toán nợ theo yêu cầu của V nêu trên thì V có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng đã thế chấp, bao gồm:

1. Xe ô tô hiệu Mazda, số loại BT50, biển kiểm soát 73C-049.05; số khung: 4DD5FW400390; số máy: P4AT2000370; đăng ký xe ô tô số 028198.

2. Xe ô tô hiệu Ford, biển kiểm soát 73C-138.21; số khung: RL2UMFF60MER16173; số máy: YN2QPME16173.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 742, tờ bản đồ số 30 tại: Thôn 4 (nay là thôn 4 Lộc Đ), xã Lộc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q (có Giấy chứng nhận số CR447958 do sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/10/2019).

Ông Nguyễn Văn Q, Bà Phạm Thị Q phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh (theo mức lãi suất được quy định trong các Hợp đồng tín dụng) kể từ ngày 15/5/2024 cho đến ngày ông Q, bà Q thực tế thanh toán hết nợ cho V.

Án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch, chi phí thẩm định, định giá theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn Ngân hàng là Tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh, bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q không có đăng ký kinh doanh, trong hợp đồng tín dụng thể hiện ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q cư trú tại Thôn 4 Lộc Đ, xã Lộc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình và hiện nay ông, bà vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa chỉ trên và chưa cắt chuyển hộ khẩu đi đâu. Căn cứ theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập làm việc, tiến hành xem xét tại chỗ, thẩm định, định giá tài sản đồng thời

tiến hành phiên hòa giải nhưng các bên không đạt được sự thỏa thuận. Do đó vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành. Ngày 06/3/2024 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-DS, mở phiên tòa vào ngày 22/3/2024, nhưng bị đơn bà Q vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Đồng bị đơn ông Q vắng mặt và có đơn đề nghị tạm hoãn phiên tòa; Do đó HĐXX căn cứ các Điều 227 và 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 22/3/2024 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 17/4/2024; Phiên tòa mở lại nhưng bị đơn bà Q vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đồng bị đơn ông Q vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên HĐXX căn cứ các Điều 227 và 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-DS ngày 17/4/2024 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 14/5/2024. Tại phiên tòa ngày 14/5/2024, có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn bà Q; Riêng đồng bị đơn ông Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn tự nguyện xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2023 cụ thể là: Rút nội dung về việc V có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại phường Hải T, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 14/5/2024 với tổng số tiền là **4.930.802.303** đồng. Trong đó: Tổng số tiền nợ gốc: **3.653.527.491** đồng; nợ lãi: **1.277.274.812** đồng gồm lãi trong hạn: **63.474,873** đồng; lãi quá hạn: **1.205.241.169** đồng; lãi chậm trả: **8.558.770** đồng; yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q trong các Hợp đồng tín dụng và đề nghị nêu trên cho đến ngày ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q thực tế thanh toán hết nợ cho V.

Hội đồng xét xử thấy: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) và ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q đã ký kết các Hợp đồng tín dụng cho vay số LN2203155373215 ngày 05/4/2022; Hợp đồng cho vay số LN2112294994909 ngày 24/01/2022; Hợp đồng cho vay số LN2201045016199 ngày 07/01/2022; Hợp đồng cho vay số LN2207146230040 ngày 20/7/2022; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kèm Hợp đồng

cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 31/12/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 11/03/2022 đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định tại Điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật tổ chức tín dụng 2010, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, bị đơn - ông Q và bà Q đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Quá trình giải ngân của Ngân hàng V, ông Q, bà Q đã nhận đủ số tiền trên để chi tiêu vào các mục đích vay vốn theo đề nghị giải ngân ngày 06/4/2022, số tiền: 260.000.000 đồng; Đề nghị giải ngân ngày 25/01/2022, số tiền 786.000.000 đồng; Đề nghị giải ngân ngày 25/01/2022, số tiền 1.700.000.000 đồng; Ngày 31/12/2021 giải ngân số tiền: 98,000,000 đồng; Ngày 11/03/2022 giải ngân số tiền: 280,000,000 đồng. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên.

Theo bảng kê chi tiết lịch sử khoản vay do Ngân hàng cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng nhưng sau đó không thực hiện trả nợ theo cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị Q đã trả được số tiền gốc 1.429.092.744 đồng; số tiền lãi 345.063.991 đồng và Ngân hàng đã giải chấp tài sản là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 12 tại: phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q (có Giấy chứng nhận số BE 321309 do UBND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 08/4/2011, cập nhật thay đổi chủ sở hữu, sử dụng lần cuối ngày 04/8/2022).* Ngày 05/01/2023, khoản nợ đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Q bà Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả. Ông Q và bà Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả dứt nợ, thường xuyên vi phạm cam kết. Tính đến ngày 14/5/2024 ông Q bà Q còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V với tổng số tiền là **4.930.802.303** đồng. Trong đó: Tổng số tiền nợ gốc: **3.653.527.491** đồng; nợ lãi: **1.277.274.812** đồng gồm lãi trong hạn: **63.474,873** đồng; lãi quá hạn: **1.205.241.169** đồng; lãi chậm trả: **8.558.770** đồng;

Nay Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Q bà Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V theo các Hợp đồng tín dụng cho vay số LN2203155373215 ngày 05/4/2022; Hợp đồng cho vay số LN2112294994909 ngày 24/01/2022; Hợp đồng cho vay số

LN2201045016199 ngày 07/01/2022; Hợp đồng cho vay số LN2207146230040 ngày 20/7/2022; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 31/12/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 11/03/2022 với tổng số tiền tính đến ngày 14/5/2024 là **4.930.802.303** đồng. Trong đó: Tổng số tiền nợ gốc: **3.653.527.491** đồng; nợ lãi: **1.277.274.812** đồng gồm lãi trong hạn: **63.474,873** đồng; lãi quá hạn: **1.205.241.169** đồng; lãi chậm trả: **8.558.770** đồng và tiếp tục chịu lãi suất theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và đề nghị nêu trên cho đến ngày ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q thực tế thanh toán hết nợ cho V là có căn cứ.

Đối với đề nghị của bị đơn bà Q có nguyện vọng được trả nợ gốc và lãi từng phần đối với từng Hợp đồng tín dụng. Mong ngân hàng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông bà sắp xếp trả nợ cho ngân hàng. Đối với đề nghị này của bị đơn thì quan điểm của nguyên đơn không nhất trí vì thực tế bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn từ lâu nên đề nghị bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật. HĐXX thấy cần tôn trọng quyền tự định đoạt của nguyên đơn.

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng nêu trên cùng sự thừa nhận của đương sự có đủ cơ sở buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q có trách nhiệm phải trả số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả cho Ngân hàng và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và đề nghị nêu trên giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q với V cho đến ngày ông bà trả nợ xong là phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q đã thế chấp các tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là:

Tài sản 01: Xe ô tô hiệu Mazda, số loại BT50, biển kiểm soát 73C-049.05; số khung: 4DD5FW400390; số máy: P4AT2000370; đăng ký xe ô tô số 028198 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2203155373215 ký ngày 04/4/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh X, Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Tài sản 02: Xe ô tô hiệu Ford, biển kiểm soát 73C-138.21; số khung: RL2UMFF60MER16173; số máy: YN2QPME16173 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2112294994909 ký ngày 24/01/2022 tại V Đồng Hới, Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Tài sản 03: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 742, tờ bản đồ số 30 tại: Thôn 4 (nay là thôn 4 Lộc Đ), xã Lộc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q (có Giấy chứng nhận số CR447958 do sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/10/2019). Việc thế chấp được xác định theo Hợp

đồng thế chấp số LN2201045016199/NLY/HĐTC ký ngày 07/01/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh Xuân, tỉnh Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật.

Bị đơn ông Q bà Q trong các phiên làm việc, hoà giải tại Toà án đều thừa nhận đã thế chấp các tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên đúng như trình bày của nguyên đơn, đồng thời cũng thống nhất trường hợp ông Q bà Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì V có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Bị đơn bà Q cũng nhất trí với kết quả thẩm định, xem xét tại chỗ, định giá các tài sản nêu trên Hội đồng thẩm định, định giá lập ngày 29/01/2024; hiện ông Q bà Q đang sinh sống ổn định tại thửa đất này, không tranh chấp với ai.

Tại phiên toà, bà Q thừa nhận phần nhà ở của ông bà đã xây lần R3: 2,50 m² vượt ranh giới theo giấy chứng nhận. Đối với phần nhà ở xây lần R3: 2,50 m² vượt ranh giới theo giấy chứng nhận thì bà Phạm Thị Q cùng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V có trách nhiệm phối hợp xử lý trong kê biên phát mại tài sản đảm bảo để thi hành án.

Xét Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Do đó, đối với yêu cầu của Nguyên đơn về trường hợp ông Q bà Q không trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V thì đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới tuyên xử lý tài sản bảo đảm sau: Khi bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, V có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Tài sản 01: Xe ô tô hiệu Mazda, số loại BT50, biển kiểm soát 73C-049.05; số khung: 4DD5FW400390; số máy: P4AT2000370; đăng ký xe ô tô số 028198 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2203155373215 ký ngày 04/4/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh X, Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật; Tài sản 02: Xe ô tô hiệu Ford, biển kiểm soát 73C-138.21; số khung: RL2UMFF60MER16173; số máy: YN2QPME16173 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2112294994909 ký ngày 24/01/2022 tại V Đồng Hới, Quảng Bình. Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật; Tài sản 03: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 742, tờ bản đồ số 30 tại: Thôn 4 (nay là thôn 4 Lộc Đại), xã Lộc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q theo Giấy chứng nhận số CR447958 do sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/10/2019. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2201045016199/NLY/HĐTC ký ngày 07/01/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh X, tỉnh Quảng Bình Việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy

định pháp luật; là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí thẩm định:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.000.000 đồng cộng 0,1 % của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng là **4.930.802.303** đồng - 4.000.000.000 đồng = **930.802.303** đồng x 0,1% = 930.802 đồng + 112.000.000 đồng = **112.930.802 đồng**, được làm tròn thành **112.931.000 đồng**.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) số tiền tạm ứng án phí 56.867.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 31AA/2021/ 0001748 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Về chi phí thẩm định tại chỗ: Cần buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q hoàn trả lại số tiền là 7.000.000 đồng mà Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V đã nộp tạm ứng chi phí.

[4] Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 165, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 116, 119, 317, 318, 320, 323, 385, 398, 401, 463, 466 Bộ luật dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng (2010); Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V):

1.1 Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V theo các Hợp đồng tín dụng cho vay số LN2203155373215 ngày 05/4/2022; Hợp đồng cho vay số LN2112294994909 ngày 24/01/2022; Hợp đồng cho vay số LN2201045016199 ngày 07/01/2022; Hợp đồng cho vay số LN2207146230040 ngày 20/7/2022; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 31/12/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 11/03/2022 với tổng số tiền tính đến ngày 14/5/2024 là **4.930.802.303** đồng. Trong đó: Tổng số tiền nợ gốc: **3.653.527.491** đồng; nợ lãi: **1.277.274.812** đồng gồm lãi trong hạn: **63.474,873** đồng; lãi quá hạn: **1.205.241.169** đồng; lãi chậm trả: **8.558.770** đồng.

1.2. Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và đề nghị nêu trên kể từ ngày 15/5/2024 cho đến ngày ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc VPBank có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại phường Hải T, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q bà Phạm Thị Q.

3. Khi bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, V có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

Tài sản 01: Xe ô tô hiệu Mazda, số loại BT50, biển kiểm soát 73C-049.05; số khung: 4DD5FW400390; số máy: P4AT2000370; đăng ký xe ô tô số 028198 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2203155373215 ký ngày 04/4/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh X, Quảng Bình.

Tài sản 02: Xe ô tô hiệu Ford, biển kiểm soát 73C-138.21; số khung: RL2UMFF60MER16173; số máy: YN2QPME16173 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng

thế chấp số LN2112294994909 ký ngày 24/01/2022 tại V Đồng H, Quảng Bình.

Tài sản 03: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 742, tờ bản đồ số 30 tại: Thôn 4 (nay là thôn 4 Lộc Đ), xã Lộc N, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q theo Giấy chứng nhận số CR447958 do sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/10/2019. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số LN2201045016199/NLY/HĐTC ký ngày 07/01/2022 tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Thanh X, tỉnh Quảng Bình.

4. Đối với phần nhà ở xây lần R3: 2,50 m² vượt ranh giới theo giấy chứng nhận (có sơ đồ thửa đất đo đạc thực tế kèm theo) ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q cùng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V có trách nhiệm phối hợp xử lý trong kê biên phát mãi tài sản đảm bảo để thi hành án.

5. Án phí và chi phí thẩm định xem xét tại chỗ:

5.1 Bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q phải nộp **112.931.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

5.2 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) số tiền tạm ứng án phí 56.867.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 31AA/2021/0001748 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

5.3 Về chi phí thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Q hoàn trả lại số tiền là **7.000.000 đồng** cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn bà Q có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2024); bị đơn ông Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

- Lưu án.

Nguyễn Thanh Hoa